

VĂN HÓA - LỊCH SỬ

VÀI NÉT VỀ LỊCH SỬ NHIẾP ẢNH VÀ ĐIỆN ẢNH Ở THỪA THIÊN HUẾ*

Nguyễn Xuân Hoa**

I. Nhiếp ảnh

1. Sự du nhập nhiếp ảnh vào Huế

Lịch sử nhiếp ảnh ra đời kể từ ngày Chính phủ Pháp công bố phương pháp chụp ảnh của Jacques Daguerre (1787-1851) vào năm 1839, như một món quà cho nhân loại, và năm 1845, dưới thời vua Thiệu Trị, đã có hai bức ảnh đầu tiên của nhiếp ảnh gia Alphonse Jules Itier chụp về Việt Nam.

A. J. Itier là phóng viên đi theo phái đoàn Pháp sang Trung Hoa ghi hình sự kiện ký hiệp ước Hoàng Phố giữa Pháp và Trung Hoa; trên đường trở về theo tàu L'Alemène, tàu đã ghé bến Tiên Sa, Đà Nẵng để thị uy, đòi thả Giám mục Lefebvre bị triều đình Huế bắt giam. Lúc ở Đà Nẵng, A. J. Itier đã chụp được đồn binh “Non Nay” và bến cảng Đà Nẵng. Trong hồi ký của mình, A. J. Itier viết: *“Trong khi mọi người đứng trên boong tàu, chờ đón giáo sĩ, tôi tranh thủ chụp mấy kiểu ảnh và tiến tới chân đồn binh Non Nay. Khi tôi đặt chân lên đất, cũng là lúc người ta kéo cờ hiệu khởi hành lên nóc cột chiến hạm, tiếp đó là một phát đại bác nổ rền vang, ra lệnh nhổ neo. Vài phút trễ tràng có thể làm thay đổi vận mệnh đời tôi. Xin Thượng đế phù hộ! Cầu cho hai tấm phim đã chụp, đạt được kết quả. Đó là bến cảng Đà Nẵng... Tất cả quang cảnh đã được thu vào ống kính một cách trung thực, ngoại trừ cảm xúc của tác giả.”*⁽¹⁾ Bức ảnh “Đồn binh xứ Đà Nẵng” hiện còn trưng bày tại Bảo tàng Nhiếp ảnh Pháp.

Phải đến năm 1863, khi sứ bộ của triều đình Tự Đức, do Phan Thanh Giản làm Chánh sứ, Phạm Phú Thứ làm Phó sứ, Ngụy Khắc Đản làm Bồi sứ sang Pháp điều đình xin chuộc ba tỉnh miền Đông Nam Kỳ đang ở Paris, người Việt Nam mới tiếp cận với kỹ thuật nhiếp ảnh và được chụp ảnh, để lại những bức ảnh đầu tiên của các vị quan triều Nguyễn. Trong tập *Tây hành nhật ký*, Phạm Phú Thứ đã ghi chép các chi tiết:

“Ngày mồng bảy, (tức ngày 20/9/1863, mồng 7 tháng Chín năm Quý Hợi, Tự Đức thứ 16) Hà-ba-lí⁽²⁾ báo rằng Quốc trưởng của họ muốn xem ảnh của Sứ bộ,

* Trích kết quả nghiên cứu đề tài KHCN cấp tỉnh: “Địa chí Thừa Thiên Huế - Phân Văn hóa”, được ngân sách nhà nước tỉnh TTH đầu tư.

** Thành phố Huế.

nên quan đại thần của đô thành đã sức cho thợ đến sứ quán và giao cho y đến báo với các quan sứ sáng mai, mặc phẩm phục sẵn sàng để chụp ảnh đệ trình lên trên...”

“Ngày mồng tám... chúng tôi lần lượt mặc phẩm phục lên nhà lầu lợp kính trong quán để chụp ảnh, quán này có mấy gian trên tầng lầu mà mái và tường đều lợp bằng pha-lê để lấy ánh sáng mặt trời. Cách chụp ảnh làm như thế này:

Trước hết, lấy nước thuốc xoa trên một tấm kính rồi đặt tấm kính vào ống kính; sau đó, người được chụp đứng trước ống kính và quay mặt về ống kính; ánh sáng mặt trời lọt vào ống kính làm cho hình người ta in lên tấm kính, không sai một sợi tóc. Tục người Tây thích chụp ảnh nhất, phàm những người mới quen biết nhau thì thích có ảnh của người quen; người trên, kẻ dưới đều như vậy vì người ta nói rằng, làm như vậy để tỏ tình không quên nhau. Từ đó về sau, viên quan này nhiều lần đưa thợ mang máy đến quán mời chúng tôi chụp ảnh và chia tặng chúng tôi. Tiền công chụp một tấm ảnh nhỏ là một quan, tấm lớn hơn là bốn, năm quan.”

“Ngày mồng chín... Mấy người thợ chụp ảnh lại đến mời chúng tôi chụp chung một tấm ảnh nhỏ (hôm trước, đã chụp riêng từng người, hôm nay, mời chụp chung cả đoàn để đệ trình lên Quốc trưởng).”⁽³⁾

Sự kiện này đã để lại cho chúng ta một số bức ảnh của các quan triều đình Huế mặc phẩm phục đại triều, có ảnh Phan Thanh Giản đứng và ngồi, ảnh riêng của từng người trong đoàn sứ bộ và tấm ảnh chung ba đại thần ngồi và mười một quan văn võ tùy tùng đứng ở hàng sau, trong đó có ảnh của Phó Đề đốc Nguyễn Hữu Thân, người Thừa Thiên, trong trang phục võ quan.

Hai năm sau, 1865, theo đề nghị của Phạm Phú Thứ và Viện Cơ Mật, Đặng Huy Trứ, người có xu hướng canh tân, được cử đi Hồng Kông làm nhiệm vụ “thăm thính Dương phòng”, có cơ hội tiếp xúc với kỹ thuật nhiếp ảnh. Năm 1867, nhân chuyến đi Quảng Châu hơn một năm để mua “quá sơn pháo”, Đặng Huy Trứ đã tìm hiểu kỹ về kỹ thuật, mua máy móc và vật liệu chụp ảnh đưa về Hà Nội (lúc bấy giờ Đặng Huy Trứ được cử làm Thương biện Tỉnh vụ Hà Nội), mở hiệu ảnh Cảm Hiếu Đường, hiệu ảnh đầu tiên của Việt Nam.⁽⁴⁾ Đặng Huy Trứ, người Thừa Thiên, sinh tại làng Thanh Lương, nay thuộc phường Hương Xuân, thị xã Hương Trà, được giới nhiếp ảnh trong nước tôn xưng là vị tổ của ngành nhiếp ảnh Việt Nam.

Cùng với sự du nhập nghề nhiếp ảnh vào Việt Nam, được khởi đầu từ Đặng Huy Trứ, tháng Năm năm Mậu Dần (1878), sau khi Trương Văn Sán đi du học ở Pháp về, Bộ Hộ đã tâu trình với vua Tự Đức về “tiểu pháp chụp ảnh” do Trương Văn Sán đã học được:

“Phép chụp ảnh, phải có nhà riêng, dùng kính che cả 4 mặt cho sáng, mới phân biệt được râu, mày, hình dung, có giá để đồ chụp ảnh, bắt đầu cắm ống kính

vào hòm máy, để lên trên cái giá, mở máy, bỏ cái nắp đây ra, cho người ngồi trên cái ghế dựa trước ống kính, lấy cái trụ sắt đỡ đằng sau khăn ở đầu cho khỏi lay động, mới đem giá để máy chụp đưa đi đưa lại, khiến cho bóng người ở trong hòm kính rõ ràng. Xong rồi liền bỏ khuôn kính vuông ở mặt hòm đi, lấy khuôn kính bôi thuốc đặt vào hòm máy, sẽ bỏ miếng ván che đi, khiến cho bóng người chiếu vào trong kính, liền để ván che vào, rồi nhẹ tay rút ra, đem vào chỗ kín, lấy nước thuốc rửa 3 lần, khiến cho bóng người dần hiện ra, đem phơi khô, để vào trong cái khuôn có hình chụp ảnh. Lại đem ngay tấm giấy in một mặt ngâm vào chậu nước thuốc, rồi phơi ở chỗ râm, lại đặt lên trên kính ảnh trước để trong khuôn, đem khuôn che áp vào, khiến cho bóng người thấm vào giấy, lại phơi khô rồi lấy ra, lại dùng nước thuốc rửa qua 3 lần, đợi khô, mới xem được và các thứ máy móc (1 cái chuông ở trong ống kính chụp ảnh, 1 cái hòm chụp ảnh, 2 cái trụ sắt, 1 cái khuôn để chặn giấy, 1 cái giá chụp hình)”.⁽⁵⁾

Vua Tự Đức đã cho phép làm một nhà riêng ở bên phải Sở Thương Bạc (khu vực Nhà Văn hóa Huế hiện nay, phía gần cửa Thượng Tứ), cho phép Trương Văn Sán làm việc chụp ảnh, chụp cho cả quan lại và dân chúng.⁽⁵⁾ Hiệu ảnh Trương Văn Sán do vua Tự Đức cho phép hoạt động năm 1878 là hiệu ảnh đầu tiên ở kinh đô Huế.

Cũng vào năm này, trong bài viết “Huit jours d’ambassade à Hué” (Tám ngày trong đoàn ngoại giao ở Huế) của Brossard de Corbigna đăng trên *Le Tour du Monde*, tháng 1/1878 lại cho biết Émile Gsell, nhà nhiếp ảnh thương mại đầu tiên ở Sài Gòn, chủ hiệu ảnh Gsell Photographie, người đã từng triển lãm ảnh tại Vienne (Áo), đi theo đoàn ngoại giao của Pháp đến Huế, được Hoàng đế An Nam cho phép chụp ảnh (cảnh vật) tại Huế.

Cuối năm 1916, theo đề nghị của Albert Sarraut, Toàn quyền Đông Dương, Chính phủ Pháp đã cử đoàn nhiếp ảnh điện ảnh quân đội sang Đông Dương quay phim, chụp ảnh để giới thiệu về cuộc sống, phong tục, phong cảnh đất nước Việt Nam, Lào, Cambodia. Trong hai năm 1917-1918, nhà nhiếp ảnh Tétart đã chụp hàng trăm bức ảnh về con người và phong cảnh Huế. Những năm sau đó, một số công chức, viên chức, nhà truyền giáo và doanh nhân sống và làm việc tại kinh đô Huế đã chụp lại nhiều hình ảnh ghi nhớ về sinh hoạt của vua quan và cuộc sống xứ Huế, để lại những hình ảnh có giá trị lịch sử độc đáo. Đặc biệt, tháng 1/1886, Đô thống Pháp tại Huế đã cử nhà nhiếp ảnh đến triều đình xin chụp ảnh vua Đồng Khánh gửi về Pháp, để tỏ tình giao hiếu giữa hai nước, vua đã “*chọn ngày quang tạnh, vua mặc mũ, áo đại triều, ngồi ở điện Văn Minh cho quan Pháp chụp ảnh. Rồi chuẩn cho in thành 2 tấm ảnh, 1 tấm để lại dâng lên, 1 tấm gửi về Pháp*”.⁽⁶⁾

Đến nay, chúng ta có những bức ảnh chân dung vua Đồng Khánh, vua Thành Thái, vua Duy Tân, vua Khải Định, vua Bảo Đại, được chụp dưới nhiều góc cạnh

(mặc đại triều ngồi trên ngai hoặc mặc tể phục, thường phục...), hình ảnh một số bà phi, đại thần, lăng tẩm, thắng tích, cảnh vật và sinh hoạt của xứ Huế xưa, có một số bức ảnh vừa có giá trị lịch sử, vừa có giá trị mỹ thuật khá tốt. Ngoài các bức ảnh rời, người Pháp còn để lại bộ ảnh quý về lễ Tứ tuần đại khánh của vua Khải Định, bộ ảnh tang lễ vua Khải Định, bộ ảnh về lễ tế Nam Giao. Đặc biệt, 10 bức ảnh về Huế (cửa Hiển Nhơn, công chúa và người hầu, viên quan lại, hai vị quan, con gái Huế, học sinh Đồng Khánh Huế, nhà sư, cổng chùa Thiên Mụ, đài tưởng niệm tử sĩ, người dân tộc thiểu số) chụp năm 1931 của W. Robert Moore thường được đánh giá là bộ ảnh sắc sảo. Ngoài những bức ảnh màu của W. Robert Moore chụp vào năm 1931, còn có một số ảnh màu và đen trắng rất quý do Maynard Owen Williams - một phóng viên người Mỹ - chụp tại Huế vào năm 1935. (Xem M. O. Williams, “By motor trail across French Indo-China”, đăng trên *The National Geographic Magazine*, số tháng 10/1935, tr. 487). Tư liệu còn cho biết, trước đây, Hội Đô thành Hiếu cổ (Association des Amis du Vieux Hué) có kho lưu trữ khoảng 9.000 bức ảnh về Đông Dương từ 1885-1944. Hầu hết các bức ảnh về lăng tẩm các vị vua triều Nguyễn, ảnh cầu Trường Tiền, cửa Ngọ Môn, chùa Thiên Mụ, nhà thờ Phủ Cam, ga Huế, chợ Đông Ba, thiếu nữ Huế, sinh hoạt cung đình và dân gian ở Huế... được phổ biến dưới hình thức bưu thiếp (cartes postales), lưu hành trong khu vực Đông Dương, gửi sang Pháp và một số nước, giới thiệu khá rộng rãi về kinh đô Huế.

2. Hoạt động của nghệ thuật nhiếp ảnh ở Huế thời kỳ đầu

Chỉ không lâu sau ngày hiệu ảnh của Trương Văn Sán được thành lập năm 1878, triều đình nhà Nguyễn liên tục trải qua nhiều biến động, kinh đô Huế bị thất thủ (1885), hoạt động của hiệu ảnh đầu tiên gắn liền với Sở Thương Bạc, nơi bị Pháp kiểm soát nghiêm ngặt, không để lại dấu ấn gì đáng kể. Nhưng tại khu vực gần cửa Thượng Tứ này, chỉ trên con đường rất ngắn, lại là nơi quần tụ của 7 tiệm ảnh vào nửa đầu thế kỷ XX.

Tính từ Sở Thương Bạc vào cửa Thượng Tứ (tức đầu đường Đinh Tiên Hoàng hiện nay), có “nhà chụp hình” *Tăng Vinh* (của gia đình cụ Võ Truy, nhạc gia của bác sĩ Lê Khắc Quyến), nhà chụp ảnh *Ngọc Châu*, tiệm chụp hình *Phi Phước* (con trai của họa sĩ Phi Hổ), tiệm chụp hình và vẽ chân dung của họa sĩ *Phi Long*. Bên kia đường là tiệm chụp hình *Tôn Thất Dung*, tiệm chụp hình và vẽ chân dung của nữ họa sĩ *Maria Mộng Hoa*, cuối đường là hiệu ảnh *Đông Nam* của gia đình ông Thị Bốn.⁽⁷⁾ Đặc biệt, Phi Hổ, Phi Long, Maria Mộng Hoa là ba anh em ruột, cùng là họa sĩ và cùng mở ba tiệm chụp ảnh gần kề nhau. Phi Long và Maria Mộng Hoa là hai họa sĩ nổi tiếng của Huế, là tác giả một số tranh chân dung có giá trị mỹ thuật, ảnh của hai tiệm này có chất lượng cao. Tiệm *Đông Nam* của ông Thị Bốn có

nhiều ảnh về cung đình. Hầu hết các hiệu ảnh đều có phần tiền sảnh trang trí những bức ảnh chân dung, ảnh phong cảnh đẹp được sang lớn để thu hút khách; ngoài ảnh chụp theo yêu cầu của khách hàng, mỗi tiệm đều bày bán bưu thiếp (cartes postales) về những cảnh đẹp nổi tiếng của vùng đất kinh kỳ, do từng tiệm ảnh sản xuất. Khu vực ngoài cửa Thượng Tứ mặc nhiên trở thành một con đường nhiếp ảnh, vừa mang tính thương mại, vừa có tính nghệ thuật của Huế trong thời kỳ đầu.

Nửa sau thế kỷ XX, hoạt động nhiếp ảnh tiếp tục phát triển, tại khu vực Thượng Tứ, tiệm Phi Hồ chuyển lại cho con trai thành tiệm *Phi Phước*, tiệm *Tôn Thất Dung* đóng cửa thì tiệm *Ái Mỹ* thay thế, tiệm *Phi Long* dời về đường Gia Long thì tiệm *Gina* thế chỗ. Trên trục đường Gia Long (nay là Trần Hưng Đạo), trục thương mại chính của Huế, xuất hiện thêm hàng loạt tiệm ảnh, ngoài *Phi Long* còn có thêm một số tiệm nổi tiếng như tiệm ảnh *Lê Quang*, *Tuyết Anh ảnh viện*, tiệm ảnh *Mily*, tiệm ảnh *La Cảnh Lưu*. Đường Ngã Giữa (nay là Phan Đăng Lưu) có tiệm ảnh *Lê Viêm*. Trên đường Lê Lợi, có tiệm ảnh *Hương Mỹ* trước khách sạn Hương Giang của nhà nhiếp ảnh nổi tiếng Nguyễn Khoa Lợi... Ở các thị trấn Sịa, Phú Bài, Cầu Hai, Phò Trạch... đã xuất hiện một số tiệm ảnh phục vụ nhu cầu của người dân địa phương.

Thời kỳ này, ngoài một số người cầm máy vừa hoạt động nhiếp ảnh thương mại, vừa hoạt động nhiếp ảnh nghệ thuật như Phi Long, Maria Mộng Hoa, Tôn Thất Dung, Nguyễn Khoa Lợi, Lê Quang, Võ Viết Đức..., lần lượt còn có một số người hoạt động nghệ thuật nhiếp ảnh bán chuyên nghiệp có những tác phẩm nhiếp ảnh có giá trị nghệ thuật, tiêu biểu là các nhà nhiếp ảnh Nguyễn Hữu Đính, Trần Nguyên Cáo, Phan Khắc Tuân, Hoàng Xuân Dục, Thái Nguyên Hạnh...

Nổi bật trong số này là nghệ sĩ nhiếp ảnh Nguyễn Khoa Lợi. Ông sinh năm 1906, xuất thân trong một gia đình viên chức dòng dõi họ Nguyễn Khoa nổi tiếng, sớm có thiên hướng nghệ sĩ, say mê tìm đến với nghệ thuật nhiếp ảnh. Năm 1925, ông đã rời bỏ ngành học đồ họa kiến trúc để theo đuổi nhiếp ảnh. Bằng sự đam mê, cộng với công phu tìm tòi nghiên cứu qua sách vở, Nguyễn Khoa Lợi đã trở thành nhà nhiếp ảnh từ rất sớm. Năm 1933, ông may mắn gặp được nhà nhiếp ảnh người Nhật Iwata Nakayama, một nhiếp ảnh gia tốt nghiệp ngành nhiếp ảnh năm 1918 tại Tokyo, đã có nhiều năm sống ở Mỹ, ở Pháp, từng sáng tác ảnh chân dung của Fourita và Kiki de Montparnasse (1926), điều hành tạp chí Nhiếp ảnh ở Tokyo, thời gian này đang đi sáng tác tại khu vực Đông Nam Á. Nguyễn Khoa Lợi đã được Iwata Nakayama hướng dẫn về kỹ thuật lấy ánh sáng, cách chọn khoảnh khắc bấm máy, kỹ thuật ảnh đen trắng và ông đã theo chân Iwata Nakayama đi sáng tác, rèn luyện tay nghề khắp một số tỉnh ở Việt Nam, Lào, Cambodia; chuyên chụp những bức ảnh về đồng quê, chùa chiền, chân dung trẻ em.

Trở về Huế hoạt động trong ngành nhiếp ảnh, Nguyễn Khoa Lợi nổi tiếng với những bức ảnh có góc nhìn đẹp, bố cục sáng tạo, kỹ thuật vững như *Tùng Thê Miếu, Cửa Ngọ Môn, Tát nước, Đạp nước, Đắp đê, Cời trâu về nhà...*; ông được xem là “chủ soái” của nhóm nghệ sĩ nhiếp ảnh ở Huế, gồm Tôn Thất Dung, Lê Quang, Trần Nguyên Cáo, Võ Viết Đức... Nguyễn Khoa Lợi vừa đứng tên mở hiệu ảnh *Hương Mỹ*, vừa làm việc tại Ty Kiến thiết Thừa Thiên trong khoảng từ 1950 đến 1963; đây là thời gian ông có nhiều bức ảnh đẹp về di tích, phong cảnh và con người xứ Huế như các bức *Lăng Tự Đức, Lăng Cô, Bạch Mã, Cô dâu trẻ, Trăm tư trước chùa Thiên Mụ, Tung lưới...*, ngoài giá trị nghệ thuật, nhiều tác phẩm của ông còn có những đóng góp tích cực giúp trùng tu các di tích cổ đô Huế.

Sau ngày đất nước thống nhất năm 1975, dù tuổi cao sức yếu, hoàn cảnh sống rất khó khăn, nhưng nghệ sĩ nhiếp ảnh Nguyễn Khoa Lợi vẫn tham gia các hoạt động của Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh, tập hợp các nhà nghệ sĩ nhiếp ảnh cao niên ở Huế, đi thực tế sáng tác tận các vùng xa như Cửa Tùng, Nông trường Tân Lâm (Quảng Trị), thường xuyên có tác phẩm đăng trên tạp chí *Sông Hương*. Hơn nửa thế kỷ lao động sáng tạo, ông đã tham gia nhiều cuộc triển lãm trong và ngoài nước, từng được giải thưởng Osaka Nhật Bản, hai huy chương vàng, một huy chương bạc tại các cuộc triển lãm trong nước, được Ủy ban toàn quốc các Hội Văn học Nghệ thuật Việt Nam trao tặng huy chương “Vì sự nghiệp Văn học Nghệ thuật”.

Khi đã ngoài 90 tuổi, niềm say mê nghệ thuật nhiếp ảnh của ông vẫn không vơi cạn. Năm 93 tuổi, ông được nhà nghiên cứu và sưu tầm nhiếp ảnh người Pháp François Salem tìm đến nhà để khảo sát các bản phim ảnh được lưu trữ, với ý định hợp tác làm một CD ROM hơn 300 bức ảnh nghệ thuật, có thể tiến tới tổ chức triển lãm hoặc in ấn tại Pháp. François Salem đã lập dự án để tìm nhà tài trợ thì trần lũ lịch sử 1999 ập đến Huế, hầu hết bộ sưu tập phim ảnh quý giá của Nguyễn Khoa Lợi đã bị nhấn chìm trong nước lụt. Cùng với con cháu trong gia đình, ông đã tập trung chăm lo cứu vớt. May mắn là François Salem đã trở lại, giúp ông khôi phục một số bản phim quý giá đã bị ố vàng, và ngay sau đó, được *La Maison de l'Indochine* (Tổ chức Ngôi nhà Đông Dương) ở Pháp đồng ý tài trợ khôi phục ảnh để tổ chức triển lãm tại Paris. François Salem đã phóng lớn 59 bức để phối hợp với tổ chức *Nouvelle Association des Amis du Vieux Hué* (Hội Những người bạn của Huế Xưa mới) tổ chức triển lãm tại Pháp tháng 4/2001 và sau đó được Nhà xuất bản Nouvelles Éditions ở Paris xuất bản thành tập sách *Huế 1930-1960: Photographies de Loi Nguyễn Khoa* (Huế 1930-1960: Ảnh Nguyễn Khoa Lợi),⁽⁸⁾ phổ biến đến công chúng Pháp và gửi về tặng tác giả. Người nghệ sĩ nhiếp ảnh tài hoa Nguyễn Khoa Lợi đã kịp nhìn thấy tác phẩm của mình trước khi từ trần vào ngày 14/10/2011, hưởng thọ 95 tuổi.

Nguyễn Khoa Lợi là nhà nhiếp ảnh đã hoạt động từ trước thập niên 1930, trải qua nhiều giai đoạn biến động của nhiếp ảnh Huế, tiếp tục sáng tác và tham gia hoạt động sau thời kỳ tổ chức hội đoàn nhiếp ảnh Huế được thành lập, ông là gạch nối của nhiều thế hệ nhiếp ảnh gia ở Huế từ đầu thế kỷ XX đến đầu thế kỷ XXI.

3. Hoạt động của các tổ chức nhiếp ảnh tại Huế

Hoạt động của nghệ thuật nhiếp ảnh đã có bước phát triển ở Huế vào nửa đầu thế kỷ XX, nhưng các tổ chức hội đoàn về nhiếp ảnh lại chậm được tổ chức. Mặc dù ngay sau Cách mạng tháng Tám 1945, trên báo *Quyết chiến* số 18 ra ngày 15/9/1945, bộ ba Hải Triều - Hoài Thanh - Thanh Tịnh, cùng ký chung một văn bản, lấy tư cách Ban Tổ chức kêu gọi “*các nhà văn, nhà báo, kịch sĩ, họa sĩ, nhạc sĩ và các nhà nhiếp ảnh*” tham gia thành lập Liên đoàn Văn hóa Trung Bộ. Tối 18/9/1945, hơn 50 văn nghệ sĩ đã thống nhất thành lập Liên đoàn Văn hóa Cứu quốc Thừa Thiên với 4 ban: văn học, hội họa điêu khắc và kiến trúc, âm nhạc, ca kịch. Các nhà nhiếp ảnh đã tham gia hội nghị, nhà nhiếp ảnh kiêm họa sĩ Maria Mộng Hoa được cử vào Ủy ban lâm thời Ban Hội họa, nhưng tổ chức nhiếp ảnh vẫn chưa có cơ duyên ra đời.

Sau ngày đất nước thống nhất năm 1975, các nhà hoạt động nhiếp ảnh tại Huế như Nguyễn Khoa Lợi, Tôn Thất Dung, Trần Nguyên Cáo, Võ Việt Đức, La Cảnh Lưu, Ích Sanh, Lê Viêm, Thái Nguyên Hạnh, cùng các nghệ sĩ nhiếp ảnh từ miền Bắc về như Nguyễn Khoa Quả, Hồng Sáu, Sĩ Sô và một số phóng viên ảnh đã tham gia thành lập Hội Văn nghệ tỉnh Thừa Thiên Huế, nhưng phải đến khi hợp nhất tỉnh Bình Trị Thiên, sau Đại hội Hội Văn nghệ Bình Trị Thiên lần thứ nhất ngày 5/7/1978, Phân hội Nhiếp ảnh Bình Trị Thiên mới được thành lập, các nhà nhiếp ảnh Hồng Sáu, Sĩ Sô lần lượt làm Phân hội trưởng. Phân hội đã kết nạp thêm một số nhà nhiếp ảnh trẻ ở Huế như Phạm Văn Tý, Võ Đông Bảy, Phạm Bá Thịnh, Huỳnh Mẫn, Lê Đình Liên, Phan Phùng..., với tổng số hội viên gần 20 người thường xuyên đi sáng tác; có nhiều đợt đi về các vùng nông thôn, miền biển, lên các nông trường ở Quảng Trị, Quảng Bình. Tác phẩm nhiếp ảnh giai đoạn này hướng mạnh về các chủ đề phát triển sản xuất, bảo vệ Tổ quốc, nhưng vẫn có những bức ảnh đẹp của giới nghệ sĩ lão thành, để lại ấn tượng sâu đậm trong lòng người thưởng ngoạn như *Trúc Hương Giang* của Nguyễn Khoa Lợi, *Giao mùa* của Võ Việt Đức, *Tóc thề* của Tôn Thất Dung...

Lúc này, bên cạnh Phân hội Nhiếp ảnh trực thuộc Hội Văn nghệ Bình Trị Thiên, Ty Thông tin Văn hóa Bình Trị Thiên còn có Công ty Nhiếp ảnh Bình Trị Thiên, một hình thức doanh nghiệp quốc doanh, hoạt động trên lĩnh vực nhiếp ảnh, có một số cửa hiệu chụp ảnh và bán thiết bị ngành ảnh, nhưng hiệu quả hoạt động không cao, nên sau ngày chia lại tỉnh, Công ty Nhiếp ảnh đã giải thể.

Cuối năm 1989, khi tỉnh Thừa Thiên Huế được lập lại, Phân hội Nhiếp ảnh Thừa Thiên Huế do nhà nhiếp ảnh Nguyễn Khoa Quả làm Phân hội trưởng liên tục hai nhiệm kỳ (từ 1990 đến 2000). Đây là giai đoạn có thêm một số nhà nhiếp ảnh như Võ Đông Bảy, Đặng Văn Trân, Hồ Ngọc Sơn, Lê Đình Song, Đặng Việt Hùng, Đồng Minh Đông, Nguyễn Văn Thanh, Lê Quang Phú, Trương Vững, Lê Quang Hoàng... gia nhập hội. Dù đời sống còn rất nhiều khó khăn, nhưng Phân hội đã tổ chức được một số đợt đi sáng tác dã ngoại ở các vùng xa, khai thác những góc nhìn mới lạ của vùng đất xứ Huế, tiêu biểu là đợt đi sáng tác tại Vườn Quốc gia Bạch Mã vào thời điểm đường lên Bạch Mã còn băng rừng lội suối gian nan, nhưng chuyến đi đã mang về nhiều tác phẩm đẹp như *Chân trời mới* của Đặng Việt Hùng, *Hoa đỗ quỳên* của Nguyễn Khoa Quả, *Chiều trên đỉnh Bạch Mã* của Đặng Văn Trân...

Một số tác phẩm của nghệ sĩ nhiếp ảnh Huế tham gia triển lãm trong và ngoài nước đạt kết quả cao như *Mùa hoa phượng* của Phạm Văn Tý, *Bước chạy trên đường* của Phạm Bá Thịnh, *Bóng tịch dương* của Võ Đông Bảy, *Khói lam chiều* của Huỳnh Mẫn... Có 10 nhà nhiếp ảnh được trao giải thưởng Văn học Nghệ thuật Cố đô (Lê Đình Liên với chùm ảnh *Sức sống Việt Nam, Vết hằn trên thành Huế*; Phạm Bá Thịnh với chùm ảnh *Lễ hội làng Chuồn, Nhịp đời thường, Rộn rã Tam Giang, Sóng bạc, Sắc màu mùa xuân*; Anh Duyệt với chùm ảnh *Chung nhất, Mẹ, Tôi yêu chiếc áo dài*; Lê Quang Hoàng với chùm ảnh *Khúc nhạc đồng quê, Chung sức, Thân cò lặn lội, Công việc thầm lặng*; Đặng Việt Hùng với chùm ảnh *Lung linh mắt nước, Phần việc đời thường, Đường lên chợ, Đường nét công nghiệp, Thời gian còn lại*; Nguyễn Văn Vinh với chùm ảnh *Thuyền tình, Nét Huế 1, Hoa băng khuâng*; Võ Đông Bảy với tác phẩm *Bóng tịch dương*; Hồ Ngọc Sơn với *Bà mẹ quê*; Huỳnh Mẫn với *Tiếng gọi đàn*).

Ngoài các hoạt động sáng tác, Phân hội còn tổ chức một số cuộc triển lãm tác phẩm cá nhân của Nguyễn Khoa Lợi, Võ Đức Quý, Nguyễn Khoa Quả, Sĩ Sô; mở lớp hướng dẫn về nghệ thuật nhiếp ảnh dành cho những người yêu thích bộ môn này.

Sau Đại hội năm 2000, tổ chức Hội Văn học Nghệ thuật Thừa Thiên Huế chuyển sang mô hình Hội Liên hiệp Văn học Nghệ thuật, rồi Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật, Phân hội Nhiếp ảnh chuyển đổi thành Hội Nhiếp ảnh do nhà nhiếp ảnh Phạm Văn Tý làm Chủ tịch hội (từ 2001-2015), với số lượng hội viên ngày càng đông, công nghệ nhiếp ảnh thay đổi nhanh từ chụp phim nhựa sang chụp thẻ nhớ; kỹ thuật sửa ảnh, phóng ảnh bằng máy tính phát triển... Các hoạt động sáng tác, triển lãm, liên hoan nghệ thuật, tham gia các cuộc thi và triển lãm quốc tế diễn ra liên tục. Xu hướng sáng tác ngày càng đa dạng hơn.

Từ năm 2000 đến 2005, các nhà nhiếp ảnh Huế đã đạt 11 giải thưởng quốc tế, 13 giải thưởng cấp quốc gia. Từ năm 2006 đến nay, đã có gần 2.000 lượt tác

phẩm nhiếp ảnh được công bố thông qua các cuộc triển lãm trong nước, hơn 500 tác phẩm dự triển lãm quốc tế. Hội Nhiếp ảnh Thừa Thiên Huế đã có trên 20 nhà nhiếp ảnh: Võ Đông Bảy, Đồng Minh Đông, Tôn Nữ Thị Hà, Nguyễn Hữu Hải, Nguyễn Đăng Hạnh, Lê Quang Hoàng, Võ Đình Huy, Nguyễn Phúc Xuân Lê, Huỳnh Mẫn, Nguyễn Thanh Minh, Lê Quang Phú, Hồ Ngọc Sơn, Nguyễn Văn Thanh, Nguyễn Quang Thuyết, Đặng Văn Trân, Nguyễn Đức Trí, Hoàng Xuân Trí, Hoàng Hữu Tư, Trương Vững... được nhận tước hiệu A.VAPA (Artist of Vietnam Association of Photographic Artist - Nghệ sĩ nhiếp ảnh Hội Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Việt Nam); 4 nghệ sĩ Nguyễn Văn Dũng, Phạm Bá Thịnh, Phạm Văn Tý, Trương Vững nhận tước hiệu E.VAPA (Nghệ sĩ nhiếp ảnh xuất sắc), nhà nhiếp ảnh Nguyễn Văn Tý nhận tước hiệu ES.VAPA (Nghệ sĩ nhiếp ảnh có nhiều cống hiến xuất sắc) của Hội Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Việt Nam; 5 nhiếp ảnh gia Nguyễn Văn Dũng, Ngô Thanh Minh, Hồ Ngọc Sơn, Đặng Văn Trân, Phạm Văn Tý nhận tước hiệu A.FIAP (Nghệ sĩ nhiếp ảnh thế giới), Phạm Bá Thịnh, Hoàng Xuân Trí được nhận tước hiệu E.FIAP (Nghệ sĩ nhiếp ảnh thế giới xuất sắc) của Liên đoàn Nhiếp ảnh Thế giới. Huế được xem là một trong những trung tâm nhiếp ảnh mạnh của cả nước.

Các nhà nhiếp ảnh Huế đã đạt nhiều giải thưởng quốc tế: Hồ Ngọc Sơn đạt huy chương vàng của FIAP Anh; Phạm Bá Thịnh đạt huy chương vàng đồng đội của FIAP; Ngô Thanh Minh đạt huy chương vàng Singapore, huy chương bạc Canada; Nguyễn Hữu Hải đạt huy chương vàng PSS Singapore, huy chương vàng Argus Romania, huy chương vàng PSA Mỹ, huy chương bạc VNPS Mỹ, huy chương đồng FIAP (ICS Mỹ); Phạm Văn Tý đạt bằng danh dự tại Brazil, giải thưởng đồng hạng Ashahi Simbun Nhật Bản; Văn Đình Huy đạt huy chương vàng PSA Mỹ; Cảnh Tăng đạt giải 3 cúp Thiên thần Ý; Nguyễn Xuân Hữu Tâm đạt huy chương bạc PSA, huy chương đồng Croatia; Trương Vững đạt giải thưởng lớn của Ashahi Simbun Nhật Bản...

Các bộ ảnh *Công trình kiến trúc triều Nguyễn* của Võ Đông Bảy, *Chân dung bà mẹ Việt Nam anh hùng* của Đoàn Dân; các tác phẩm *Pháo hoa*, *Đánh bắt cá* của Hồ Ngọc Sơn, *Phố cũ rêu phong* của Đặng Văn Trân, *Thăm Huế* của Phạm Văn Tý, *Đồng cảm* của Hoàng Xuân Trí, *Chung sức* của Nguyễn Hữu Hải, *Vượt sóng* của Trương Vững, *Góc nhà vườn* của Nguyễn Đức Trí, *Ngư phủ* của Văn Đình Huy, *Hầm thoát lũ Tả Trạch* của Nguyễn Đăng Hạnh đạt giải thưởng Văn học Nghệ thuật Cổ đô.

Các hoạt động nhiếp ảnh có quy mô lớn như tổ chức kỷ niệm 60 năm ngày truyền thống nhiếp ảnh Việt Nam (1953-2013), Liên hoan ảnh nghệ thuật khu vực Bắc Trung Bộ, giao lưu nghệ thuật nhiếp ảnh 3 thành phố kết nghĩa Hà Nội - Huế - Thành phố Hồ Chí Minh, tổ chức cuộc thi và triển lãm ảnh nghệ thuật “Huế -

những góc nhìn mới” lần thứ nhất, lần thứ hai, tổ chức các hoạt động nhiếp ảnh gắn với các kỳ Festival Huế... đã thu hút được nhiều công chúng đến với các tác phẩm nhiếp ảnh nghệ thuật.

Từ năm 2006, Hội Nhiếp ảnh đã thành lập Câu lạc bộ Nhiếp ảnh nữ Hải Âu, tổ chức thành sân chơi của các nhà nhiếp ảnh nữ ở Huế, cuối tháng 8/2015 còn có thêm Câu lạc bộ Nhiếp ảnh Đặng Huy Trứ dành cho những người cao tuổi yêu thích nghệ thuật nhiếp ảnh. Ngoài tổ chức hội trực thuộc Liên hiệp các Hội Văn học Nghệ thuật tỉnh, trên địa bàn còn có hoạt động của Chi hội Nhiếp ảnh của Hội Nghệ sĩ Nhiếp ảnh Việt Nam tại Huế bao gồm 22 hội viên trung ương, Câu lạc bộ Nhiếp ảnh Huế thuộc Nhà Văn hóa Huế và Câu lạc bộ Nhiếp ảnh Huế Thương do những người trẻ yêu thích nhiếp ảnh tự thành lập. Hoạt động nhiếp ảnh giai đoạn này còn sôi động với những hoạt động giao lưu giữa giới nhiếp ảnh Huế với bạn bè các địa phương bạn; nổi bật là hoạt động sáng tác tại Huế của nhà nhiếp ảnh Đào Hoa Nữ, người gốc Huế đang chủ trì Câu lạc bộ Nhiếp ảnh nữ Hải Âu tại Thành phố Hồ Chí Minh. Đào Hoa Nữ đã xuất bản hai tập sách ảnh *Huế - quê mẹ của tôi* và *Huế - thành phố Festival* gồm nhiều tác phẩm nghệ thuật về Huế có giá trị đặc sắc.

Nhiếp ảnh đã có quá trình du nhập và phát triển thành một loại hình nghệ thuật khá sớm ở Huế. Đời ngũ các nhà nhiếp ảnh, người yêu thích nghệ thuật nhiếp ảnh ngày càng nhiều. Tác phẩm nhiếp ảnh nghệ thuật ở Huế, ảnh về Huế đã có những đóng góp vừa cung cấp các tư liệu lịch sử, vừa làm phong phú đời sống văn hóa, phản ánh những khoảnh khắc sinh động trong cuộc sống của người dân xứ Huế.

II. Điện ảnh

1. Sự du nhập điện ảnh vào Huế

Những người hoạt động điện ảnh trên thế giới đã nhất trí lấy ngày 28/12/1895, ngày hai anh em Auguste Lumière và Louis Lumière chiếu phim trong nhà hầm của quán Grand Café ở số 14 đại lộ Capucines, Paris, làm ngày khai sinh của điện ảnh. Điều bất ngờ thú vị là chỉ chưa đầy một năm sau, năm 1896, cũng chính hai anh em người Pháp này đã đến Việt Nam và quay cuốn phim “*Le Village de Namo - Panorama pris d’une chaise à porteurs*” ở một ngôi làng gần Đà Nẵng và sau đó, năm 1899, Gabriel Veyre, một học viên của hai người này, sau khi qua Thượng Hải đã đến Hà Nội tổ chức buổi chiếu phim miễn phí vào ngày 28/4/1899, dành cho một số các quan chức, viên chức, doanh nhân và binh lính Pháp đóng tại Hà Nội.

Thật ra, trước khi Gabriel Veyre đến tổ chức chiếu phim tại Hà Nội, ở Chợ Lớn (thuộc Thành phố Hồ Chí Minh hiện nay), một người Pháp khác, ông D’Arc, đã tổ chức chiếu “hát hình máy” có bán vé thu tiền, với lời đăng quảng cáo trên tuần báo *Nam Kỳ* số 50, ngày 6/10/1898 có nội dung như sau:

“HÁT HÌNH MÁY

Tại Châu Thành Chợ Lớn

(Phía trước nhà quan Tổng đốc Chợ Lớn)

Tối bữa nay và mỗi tối đúng 9 giờ

Ông D’Arc có hát hình máy hay quá sức

Bạn này là bạn hát hình cá thể

Và giỏi hơn hết thấy trên thế gian

Hát nhiều thứ tuồng

Như những tích kể sau đây

(các dòng tiếp theo kể về những vở tuồng)

Giá tiền đi coi

Buồng (4 chỗ ngồi) 5 đồng 00

Ghế bực nhứt 1 đồng 00

Ghế bực nhì 0 đồng 50

Ghế bực ba 0 đồng 30

Lính bộ, lính thủy và con nít chưa tới 12 tuổi đi coi ngồi ghế bực nhứt, bực nhì thì trả nửa tiền mà thôi

Tám giờ tối mở cửa

Chín giờ khởi sự hát”

Tuần báo *Nam Kỳ* số 51, ngày 13/10/1898 đã đăng bài tường thuật cuộc đi xem hát hình máy và cho biết “*Bạn này ở lại Châu Thành Chợ Lớn năm bữa mà thôi, nên ai muốn đi coi chơi, thì phải đi cho kịp*”. Như vậy, hoạt động chiếu phim của ông D’Arc chỉ diễn ra một đợt ngắn ngày. Nhưng cũng chính trên tuần báo *Nam Kỳ* số 81, ngày 18/5/1899, lại đăng bài viết *Cuộc hát hình máy*, cho biết:

“Tại Sài Gòn mỗi đêm đều có hai lớp

Lớp thứ nhứt khởi sự 6 giờ rưỡi

Lớp thứ hai 8 giờ rưỡi

Ai muốn vào coi thời kẻ lớn phải trả 2 cắc, con trẻ một cắc, thời có chỗ tầm thường cho mà ngồi; còn như người langsa hay người bốn quốc nào muốn ngồi cho tử tế hơn thì phải trả nửa đồng bạc.”

Bài báo có đoạn mô tả một vài đoạn phim quay tại Chợ Lớn: “*Trong mấy hình đó thời ban đầu có một người đàn bà bẻ bông mà ngủi, đoạn hình xe lửa bên Tây chạy đến ghé nhà bán giấy có bộ hành lên xuống rất đông đảo lắm; hình xe lửa chạy vô đậu tại nhà máy giấy Chợ Lớn, hình hai người say rượu phá quán, có lính trấn thủ đến bắt... cùng nhiều hình thức khác nữa xem thiệt khoái chí lắm*”. Trên

một đoạn tin ngắn khác của tuần báo *Nam Kỳ* số 83, ra ngày 1/6/1899 cho biết: “Ông Léopold Bernard (người tổ chức “cuộc hát hình máy” đăng ở số báo 81 trước đó) còn ở lại Sài Gòn một ít bữa nữa mà thôi, rồi người sẽ ra kinh đô Huế vì triều đình có đòi người ra đặng xem cuộc hát hình.”⁽⁹⁾

Như vậy, có thể nói D’Arc là người đầu tiên du nhập điện ảnh đến Chợ Lớn tháng 10/1898, Gabriel Veyre là người đã du nhập điện ảnh đến Hà Nội tháng 4/1899 và Léopold Bernard là người du nhập điện ảnh đến Huế khoảng tháng 6/1899. Người đầu tiên tiếp cận với điện ảnh tại Huế là vua (Thành Thái) và một số đại thần hoặc người thân cận vua.

Những thước phim trình chiếu thời đó đều là phim câm. Báo *Nam Kỳ* số 51 ngày 13/10/1898 tường thuật buổi “hát hình máy” của ông D’Arc cho biết: “*Thật khi thấy mấy cái hình nhỏ nhỏ đó nó đi, nó nói chuyện, đầu ngó qua ngó lại, còn hai tay múa lia múa lịa, ai cũng tưởng là hình sống. Nó nhảy nó múa cũng chẳng thua chi mấy bợm nghề nhảy múa vậy, lại nó còn nhiều tuồng, nhiều cách xem ra thật lấy làm lạ kỳ quá sức*”. Có lẽ buổi chiếu của Léopold Bernard mà vua nhà Nguyễn yêu cầu đưa ra Huế đã có kết hợp thêm phần phụ diễn bằng “máy nói” (máy hát) trước khi chiếu phim, như đã diễn ra ở Sài Gòn mà báo *Nam Kỳ* số 81, ngày 18/5/1899 đã mô tả: “*Khi thiên hạ vào coi vừa đông một chút, thì người chủ cuộc ấy vận cái máy nói (langsa kêu là phonographe) tức thì điện khí chạy làm cho máy kêu nhiều bài bản, như đánh đầu tuồng nghe hay lắm... Mỗi lớp có chừng bảy đầu tuồng mà thôi, song khác nhau. Khi vừa xong thì người chủ sự mới khởi sự hát hình máy. Lúc ấy đèn trong rạp đều tắt hết song ai nấy cũng thấy nhau được, vì có yển sáng điện khí chói lòa ra, nên chẳng có sự chi hỗn loạn. Đó rồi tại cái màn bằng vải trắng che ở trước, liền thấy có hiện hình ra như thật vậy, song bởi tài năng kẻ bày nó ra nên bắt muốn coi hoài*”.

Từ khi điện ảnh du nhập vào Sài Gòn, Hà Nội, Huế đến thời điểm chiến tranh thế giới lần thứ nhất năm 1914, hoạt động chiếu bóng ở Việt Nam chỉ có tính cách tự phát, nhất thời; người Pháp chưa thực sự coi trọng việc phổ biến điện ảnh như một công cụ để tuyên truyền. Phải đến cuối năm 1916, khi Albert Sarraut, người từng làm Toàn quyền Đông Dương từ tháng 1/1911 đến tháng 8/1914, nổi tiếng với tư tưởng “khai hóa” được tái bổ nhiệm làm Toàn quyền Đông Dương lần thứ hai, điện ảnh mới có cơ hội phổ biến tại Đông Dương. Sau một thời gian về lại Pháp, tận mắt chứng kiến người Đức sử dụng điện ảnh để phục vụ chiến tranh, vì vậy ngay khi chưa về Việt Nam nhận nhiệm vụ, Albert Sarraut đã vận động chính phủ Pháp cử một đoàn quay phim chụp ảnh quân đội sang làm phim và chiếu phim tại Việt Nam. Trong tác phẩm *La Mise en Valeur des Colonies Françaises*, Albert Sarraut đã cho biết: “*Tôi nghĩ rằng không ai có thể phủ nhận những thành quả mà chúng tôi đã đem lại cho đất nước, cho nhân dân Annam. Và không chỉ có thế,*

tôi đã đề nghị chính phủ Pháp cử một đoàn quay phim và chụp ảnh tất cả những gì liên quan đến tài nguyên kinh tế, phong tục tập quán của dân tộc Annam, giới thiệu và giúp thế giới hiểu biết về đất nước và con người của xứ sở này một cách trung thực.”⁽¹⁰⁾

Đoàn quay phim chụp ảnh chỉ có hai người, do nhà nhiếp ảnh kiêm chiếu phim Tétart làm trưởng đoàn và nhà quay phim Brun, nhưng từ 1917 đến 1918, họ đã hoàn thành 20 phim, có 16 phim làm tại Việt Nam, trong đó có 4 phim làm về Huế và một phim liên quan đến Huế và Hà Nội, gồm:

- Phim *Nam Giao*, quay lễ tế Nam Giao của triều đình nhà Nguyễn.
- Phim *Lăng tẩm ở Huế*, giới thiệu các lăng vua Gia Long, Minh Mạng, Thiệu Trị, Tự Đức.
- Phim *Huế, kinh đô của triều đình Annam*, giới thiệu Huế với hình ảnh của sông Phú Cam (sông An Cựu), Sông Hương, cung điện, Hoàng thành, khu người Âu và lăng tẩm các vua.
- Phim *Sinh hoạt trong cung đình Huế*, giới thiệu sinh hoạt của hoàng cung, những buổi thiết triều của vua Khải Định, các vị thượng thư và một số nghi lễ của triều đình nhà Nguyễn.
- Phim *Nước Pháp ở Bắc Kỳ và Nam Kỳ*, quay dịp đón Toàn quyền Albert Sarraut đến Hà Nội, thăm Huế, giới thiệu các dinh thự ở Hà Nội, cung điện và triều đình Huế.

André Touzet trong bài viết “Une Oeuvre de guerre et d’après-guerre. La mission cinématographique du Gouvernement de L’Indochine” đăng trên *Revue Indochinoise*, tập XXXI còn cho biết phim được Brun “in tráng ngay tại Việt Nam bằng thủ công trong những điều kiện khí hậu nóng làm cháy, dính phim, nước nhiều bụi làm xước sát phim”; hoạt động chiếu phim do Tétart phụ trách “phải đi chiếu phim tuyên truyền lưu động khắp nơi, thành thị, vùng quê, miền núi, hải đảo, biên giới với đồ đoàn lủng củng nặng tới 3.000kg đựng trong 10 hòm, hòm nặng nhất tới 700kg đựng một moteur 6 ngựa, và một dynamo 70volt. Những đồ đoàn máy móc này được vận chuyển bằng ô tô, hoặc thuyền, voi, ngựa, và bắt phu ở các địa phương đi khuân vác”. André Touzet đã tường thuật một buổi chiếu phim khá chi tiết:

“Trên một bục cao 2,5m có mái tranh che mưa nắng là phòng đặt máy chiếu. Cách đó 25m là màn ảnh rộng 7m dài 10m, trên đó hình phim có thể xem cả hai mặt trái và phải, sau phòng máy 15m, hơi lệch về phía bên phải là một túp lều dài 10m, rộng 4m, trong đó đặt moteur, máy biến điện, bình nước làm nguội máy và chỗ ngồi của những người phục vụ và cảnh sát.

Phía trước phòng máy chiếu là khán đài có mái che dành cho người châu Âu và quan chức, kỳ hào địa phương. Bên phải phòng máy chiếu, người thông ngôn cầm loa đứng trên bục.

Để làm cho buổi chiếu phim thêm hấp dẫn, các quan chức địa phương thường cấm cờ Pháp, cờ các nước Đồng Minh, cờ đuôi nheo Annam, treo lồng đèn làm bằng giấy. Quanh màn ảnh và khán đài có kết lá, cài hoa.

Đã đến 8 giờ rưỡi tối. Hai tiếng còi vang lên: đó là hiệu lệnh khởi động máy nổ. Đèn điện bật sáng chưng... Một lát sau, tiếng người thông ngôn thông báo về buổi chiếu phim. Một hồi chuông nữa... Buổi chiếu bắt đầu. Hình ảnh phim có khuôn khổ cao 6,20m x 4,80m hiện lên rất rõ trên màn ảnh được căng rất cao để mọi người có thể đứng xem được. Thông thường có từ 6 đến 10 nghìn người xem trong một buổi chiếu.

Một buổi chiếu thường kéo dài khoảng 2 giờ rưỡi (gồm chiếu phim tài liệu, thời sự xen lẫn phim khôi hài), giữa chừng có 10 phút nghỉ giải lao. Về nguyên tắc, ở mỗi địa điểm, đoàn chiếu liền 3 tối với 3 chương trình khác nhau.

Ở mỗi địa điểm quanh bãi chiếu phim, các hàng rong bán nước chè và thức ăn. Một số người còn dựng lều và kê giường để cho những người ở xa đến ngủ trọ nếu họ muốn ở lại xem liền ba tối cinéma.”⁽¹¹⁾

Vào lúc này, tại Huế, gia đình anh em nhà Morin (Morin frères), chủ khách sạn Morin ở đường Jules Ferry (nay là đường Lê Lợi) đang làm ăn khá phát đạt. Năm 1918, khi Wladimir Morin, người có năng lực tổ chức kinh doanh nhất trong gia đình này giải ngũ, ông đã tập trung mở rộng các hoạt động dịch vụ mang tính đột phá của khách sạn Morin, hình thành bên cạnh dịch vụ khách sạn một dạng tổng đại lý cung cấp hàng tiêu dùng đa dạng, bán trực tiếp hoặc cung cấp qua yêu cầu từ thư tín cho người Pháp và giới thượng lưu, với khẩu hiệu “*Người ta có thể sinh ra trong một chiếc nôi của Morin và chết trong một quan tài của Morin*” (On peut naître dans un berceau Morin et mourir dans un cercueil Morin), biến Morin thành một trung tâm bách hóa, một trung tâm cộng đồng của người Pháp; một nhà khách của Tòa Khâm sứ Huế, của triều đình Huế; nơi phát hành tập san *Đô thành hiếu cổ* (BAVH: Bulletin des Amis du Vieux Hué). Vì vậy, ngoài 72 phòng ngủ, 1 tiệm ăn, 1 nhà hàng bách hóa, Morin còn mở thêm một thư viện và một rạp chiếu bóng. Rạp *Cinéma Morin* là cơ sở chiếu bóng sang trọng đầu tiên ở Huế, phục vụ chiếu phim 2 đêm trong mỗi tuần. Morin còn nổi tiếng trong giới điện ảnh thế giới với sự kiện là nơi danh hài Charlot (Charlie Chaplin) và vợ là Paulette Godard chọn đến hưởng tuần trăng mật năm 1936.

Phim được phổ biến trong thập niên 1920 chủ yếu là phim Pháp, thuộc hệ thống phát hành của các hãng Biograp và Charies Pathé. Từ năm 1923, lần đầu

tiên có phim do người Việt Nam thực hiện thông qua Công ty Phim và Chiếu bóng Đông Dương (IFEC) với phim *Kim Vân Kiều*, do diễn viên là đào kép tuồng của Ban Quảng Lạc (Hà Nội), quay ngoại cảnh tại Hà Nội và vùng ngoại thành, làm hậu kỳ tại Pháp, nhưng khi khởi chiếu đã bị dư luận phản ứng. Hai phim *Toutou* (phim hề) và *Huyền thoại Bà Đế* của hãng này cũng liên tục thua lỗ, buộc phải dừng hoạt động sản xuất phim. Năm 1925, ông Nguyễn Lan Hương, chủ tiệm ảnh Hương Ký ở Hà Nội, đã mời một chuyên viên người Pháp giúp làm phim, đến Huế thực hiện hai bộ phim tài liệu: phim *Ninh Lăng* dài 2.000m, quay cảnh đám tang vua Khải Định; phim *Tấn tôn đức Bảo Đại* dài 800m, quay lễ lên ngôi của vua Bảo Đại. Sau đó, năm 1926, lúc Phan Bội Châu bị Pháp đưa về Huế an trí, ở tại nhà Nguyễn Bá Trắc, Thị lang Bộ Binh của triều Nguyễn; Hương Ký đã phối hợp với Nguyễn Bá Trắc làm phim về nhà chí sĩ, với ý định không tốt, nhưng rất tiếc là Phan Bội Châu đã đồng ý thực hiện.

Báo *Trung Bắc tân văn* tháng 1/1926 đã đăng tin: “*Hôm 6 - 1 vừa rồi, một nhà chụp ảnh ở Hà thành có đến nơi công thự của quan Binh bộ thị lang Nguyễn Bá Trắc là nơi tạm trú của ông Phan Bội Châu, xin làm phim chớp ảnh, được ông Phan Bội Châu cho làm*”. Báo còn mô tả chi tiết ba đoạn phim: “*Hồi thứ nhất là lúc tiên sinh còn ở nước nhà... Ông Phan mặc quốc phục, chít khăn lượt Bắc, bận áo Sa tàu, chân đi giày hạ, tay cầm quạt Thanh, đứng diễn thuyết với bọn sinh đồ hơn 30 người về cái chủ thuyết Pháp Việt đề huề*”, “*Hồi thứ nhì... mặc đồ Trung Hoa, bận một cái áo nhiều màu xanh lượt, dài lượt thướt đến tận gót chân, ngồi trên chiếc ghế bằng gỗ mun chạm lộng, trông chẳng khác gì một nhà thượng lưu nhân vật nước Tàu vậy*”, “*Hồi thứ ba là lúc tiên sinh trở về tổ quốc..., bận đồ nỉ màu nâu sẫm, may theo Ăng-lê, đi một đôi dày đen một Hoa Kỳ, cổ thắt cravate. Tiên sinh lại có viết mấy dòng chữ đại tự để chụp vào trong phim ảnh nữa*”. Cuốn phim được quảng cáo sẽ chiếu ở rạp *Cinéma Tonkinois*, phố Hàng Quạt, Hà Nội, sau khi được quan Thống sứ cho phép cùng lúc với các phim *Tấn tôn đức Bảo Đại* và *Ninh Lăng*.⁽¹²⁾ Đến nay, hai phim về lễ tang vua Khải Định và lễ lên ngôi của vua Bảo Đại vẫn còn, nhưng tập phim về Phan Bội Châu không tìm thấy, có thể Hương Ký và Nguyễn Bá Trắc đã tự hủy trước ý kiến chê trách của dư luận.

Sau rạp chiếu bóng Morin, Huế còn có thêm rạp *Richard* ở đường Ngã Giữa (nay là đường Phan Đăng Lưu), đoạn gần con hẻm nối ra bờ hồ. Thống kê về điện ảnh Việt Nam cho biết, năm 1927 cả nước đã có 33 rạp chiếu bóng ở các đô thị: Hà Nội 4 rạp, Hải Phòng 2 rạp, Huế 2 rạp, Chợ Lớn 4 rạp, Sài Gòn 4 rạp, Cần Thơ 2 rạp... Sau 1930, điện ảnh đã được phổ cập tương đối rộng rãi ở thành phố Huế. Phim *Lễ tấn tôn Thái tử Bảo Long* đã ra đời năm 1939. Một số gia đình thượng lưu đã sắm máy quay phim, máy chiếu phim, chiếu một số phim *Huế Thơ*, *Huế Mộng*, phim hề *Charlot*, phim *Tarzan*...⁽¹³⁾

2. Hoạt động điện ảnh tại Thừa Thiên Huế

Thời kỳ mới du nhập, điện ảnh Việt Nam, điện ảnh ở Huế chủ yếu do người Pháp chi phối và trực tiếp tổ chức hoạt động. Sau đó, cùng với sự phát triển của công nghệ làm phim, chiếu phim, điện ảnh ngày càng được phổ cập rộng rãi; người Việt Nam đã trực tiếp tham gia hoạt động điện ảnh. Tại Huế, sau tháng 7/1951, doanh nhân Nguyễn Văn Yển tiếp nhận khách sạn Morin theo chuyển nhượng của gia đình này, rạp chiếu bóng Morin chuyển thành rạp *Nguyễn Văn Yển*; rạp *Richard* sau đó cũng đổi chủ và chuyển thành rạp chiếu bóng *Việt Nam Phim*.

Ngoài hai rạp ban đầu, trên đường Trần Hưng Đạo có thêm rạp chiếu bóng *Tân Tân*; bên kia cầu Gia Hội, trên đường Gia Hội (nay là Chi Lăng) có hai rạp chiếu bóng *Châu Tinh*, *Gia Hội* (về sau đổi thành *Khải Hoàn*, rồi *Hoàn Mỹ*); trong khu vực Thành Nội, tại đường Lục Bộ (nay là Nguyễn Chí Diểu), Hội Hường đạo có rạp *Lửa Hồng*, chủ yếu dành cho học sinh và thanh thiếu nhi. Khi rạp *Việt Nam Phim* và rạp *Nguyễn Văn Yển* đóng cửa khoảng năm 1957, thì *Tân Tân* trở thành rạp chiếu bóng thu hút khách nhất. Đầu thập niên 1960, trên đường Trần Hưng Đạo có thêm rạp *Hưng Đạo* với quy mô 999 ghế, thường xuyên chiếu phim và có lúc tổ chức biểu diễn ca múa nhạc.

Thời kỳ này những rạp chiếu bóng đều được cải tiến và có bộ mặt kiến trúc khá khang trang, dần dần đã trang bị âm thanh nổi (Stéréo), màn ảnh rộng “đại vĩ tuyến” (Cinemascope), có màu sắc đẹp (Technicolor rồi Eastmancolor); về sau phim đã có phụ đề Việt ngữ hay chuyển âm tiếng Việt đối với phim nước ngoài. Hầu hết các rạp (trừ *Lửa Hồng*) đều chiếu từ 2 đến 3 suất sáng, chiều, tối. Riêng rạp *Tân Tân* có giai đoạn chiếu theo dạng “thường trực”: mỗi phim được chiếu liên tục, khi vừa hết thì sẽ chiếu lại từ đầu, khách có thể mua vé vào xem bất kỳ lúc nào. Trước khi phim chính bắt đầu, có khoảng 10 phút chiếu phim thời sự của chính quyền Sài Gòn sản xuất.

Mỗi phim thường chiếu trong một tuần, khách mua vé được phát kèm theo tờ “programme” (chương trình) được in ấn và trình bày đẹp, có tóm tắt nội dung phim, ảnh các tài tử, ngày giờ chiếu của rạp. Trước mỗi rạp đều có pa-nô lớn vẽ cảnh phim; có phim còn dựng thêm pa-nô lớn cắt hình những diễn viên nổi tiếng, đặt trước tiền sảnh để tạo sức hấp dẫn. Vì vậy, thời kỳ này ở Huế xuất hiện nhiều họa sĩ chuyên vẽ tranh quảng cáo ciné mà nổi tiếng nhất là họa sĩ Lê Vinh. Phim ảnh thời kỳ này rất đa dạng, có đủ các thể loại như tình cảm, tâm lý xã hội, hành động, kiếm hiệp, kinh dị... do các hãng phim từ Sài Gòn cung ứng, hầu hết là phim Pháp, Ý, Mỹ, Hồng Kông, Đài Loan... với các ngôi sao nổi tiếng như Alain Delon, Brigitte Bardot, Sylvie Vartan (Pháp), Claudia Cardinal, Rossana Podesta (Ý), James Dean, Marilyn Monroe (Mỹ), Lý Tiểu Long, Khương Đại Vệ, Trịnh Phôi Phôi (Hồng Kông)...

Hoạt động chiếu bóng phát triển, nhưng các hãng làm phim đều đặt tại Sài Gòn, Huế chỉ đôi lúc được chọn để quay một số phim; tiêu biểu là:

- Loạt phim có tính phóng sự, thực hiện trong giai đoạn 1958-1960 như *Non nước Hương Bình*, *Múa Tử linh*, *Điện hò miền Trung*...

- Phim *Hồi chuông Thiên Mục* do hãng phim Tân Việt thực hiện năm 1957, phát hành năm 1959, dựa theo tiểu thuyết lịch sử *Hồi chuông Thiên Mục* của Phan Trần Chúc, diễn tả cuộc tình gay cấn của một quận chúa sắc nước hương trời dưới thời vua Tự Đức, do nữ diễn viên Kiều Chinh đóng vai cô Công Tôn Nữ Như Ngọc, Lê Dân đạo diễn, Phạm Duy và Nguyễn Hữu Ba soạn nhạc. Đây là bộ phim nổi tiếng và “ăn khách” ở miền Nam, đã làm Kiều Chinh nổi danh ngay khi mới đóng bộ phim đầu tiên.

Sau ngày đất nước thống nhất, dưới thời bao cấp, bị chi phối bởi chính sách cải tạo công thương nghiệp, điện ảnh tư nhân phải ngừng hoạt động. Rạp *Hưng Đạo* do Ty Thông tin Văn hóa, sau đó là Phòng Văn hóa thành phố Huế quản lý, chuyển đổi chức năng thành Nhà Văn hóa. Rạp *Lửa Hồng* đóng cửa. Các rạp chiếu bóng *Tân Tân*, *Châu Tinh*, *Gia Hội* được tổ chức lại thành *Công ty hợp doanh* (Nhà nước và chủ rạp) *Chiếu bóng Huế*. Khi thành lập tỉnh Bình Trị Thiên, còn có thêm *Công ty Phát hành Phim và Chiếu bóng* (Fafim) *Bình Trị Thiên*, trực thuộc Ty Thông tin Văn hóa, hoạt động trong hệ thống Quốc doanh Phát hành Phim trung ương (Fafim Việt Nam). Fafim Bình Trị Thiên là đơn vị phát hành, cung cấp nguồn phim và điều hành một số rạp tại các thị xã Quảng Trị, Đông Hà, Đồng Hới và một rạp nhỏ tại trụ sở công ty trên đường Hai Bà Trưng, Huế (thường được gọi là rạp *Fafim* hoặc rạp *Hai Bà Trưng*), có hệ thống các đội chiếu bóng lưu động, thường xuyên hoạt động tại vùng núi, vùng nông thôn, vùng biển, đưa phim ảnh về vùng sâu, vùng xa. Nguồn phim thời kỳ này, ngoài một số ít phim Việt Nam, còn lại chủ yếu là phim nhập từ các nước trong hệ thống xã hội chủ nghĩa; phim nước ngoài phải có người thuyết minh lời thoại.

Với phương thức quản lý kinh doanh mang tính hành chính vào thời kỳ bao cấp, trù hoạt động chiếu bóng lưu động tương đối có hiệu quả, sinh hoạt điện ảnh ở Huế đã xuống cấp. Sau khi tỉnh Thừa Thiên Huế được lập lại cuối năm 1989, Công ty hợp doanh Chiếu bóng Huế được sáp nhập với hệ thống Fafim trên địa bàn, tổ chức thành *Công ty Phát hành Phim và Chiếu bóng Thừa Thiên Huế*, nhưng hoạt động điện ảnh vẫn không được đầu tư phát triển, nguồn phim bị hạn chế, phương thức kinh doanh lỗi thời, các rạp chiếu bóng ngày càng xuống cấp, hư hỏng. Đặc biệt, từ khi loại hình Video phát triển, công nghệ truyền hình, mạng internet bùng nổ, hoạt động chiếu bóng bị ngưng trệ, các rạp *Gia Hội* (tên mới của rạp *Châu Tinh*), *Hoàn Mỹ* ngưng hoạt động vì không thu hút được khách, rạp *Đông Ba* (tên

mới của rạp *Tân Tân*) chỉ hoạt động cầm chừng. Công ty Phát hành Phim và Chiếu bóng chuyển đổi thành *Công ty Điện ảnh Thừa Thiên Huế*, hình thành thêm *hệ thống đại lý băng hình Video*, nhưng mô hình đại lý băng hình chỉ tồn tại trong một thời gian ngắn.

Trong bối cảnh đó, thỉnh thoảng Huế được các hãng phim lựa chọn để làm ngoại cảnh quay một số đoạn như phim *Đêm hội Long Trì* của đạo diễn Hải Ninh, thực hiện năm 1989, khai thác cung điện Huế để dựng lại hình ảnh thời vua Lê chúa Trịnh; phim *Hẹn gặp lại Sài Gòn* của đạo diễn Long Vân hoàn thành năm 1990, tái hiện một thời cậu học trò Nguyễn Sinh Cung (sau này là Chủ tịch Hồ Chí Minh) sống ở Huế... Nổi bật là ba bộ phim *Cô gái trên sông* của đạo diễn Đặng Nhật Minh thực hiện năm 1987, phim *Trắng nơi đáy giếng* của đạo diễn Vinh Sơn năm 2007 và phim *Indochine* (Đông Dương) của đạo diễn Régis Wargnier công chiếu lần đầu năm 1992.

Phim *Cô gái trên sông* do chính Đặng Nhật Minh, một người Huế ở Hà Nội viết kịch bản, Trịnh Công Sơn viết nhạc, được quay tại Huế, diễn tả tình cảnh của cô gái giang hồ trên Sông Hương từng cứu giúp và yêu người thanh niên hoạt động cách mạng tại nội thành, từng hứa sẽ quay lại tìm cô sau ngày cách mạng thành công. Sau năm 1975, khi từ trại “phục hồi nhân phẩm” trở về, cô đã cất công tìm người thanh niên nhưng đã bị anh từ chối và tìm mọi cách bùng bít câu chuyện khi có bài báo đề cập. Dù có lần bị phê phán vì diễn tả người cán bộ cách mạng bội bạc, người lính Sài Gòn chung thủy, nhưng phim lại được công chúng đón nhận. Diễn viên Minh Châu vào vai cô gái giang hồ là diễn viên được hâm mộ nhất lúc bấy giờ và phim được trao giải Bông sen bạc tại Liên hoan Phim năm 1987.

Phim *Trắng nơi đáy giếng* của đạo diễn Vinh Sơn, cũng người Huế, ở Thành phố Hồ Chí Minh, dựng theo truyện ngắn cùng tên của Trần Thùy Mai, do hãng phim Giải phóng liên kết với Alliance Film của Pháp sản xuất, được thực hiện tại Huế năm 2007. Phim xoay quanh bi kịch của một phụ nữ Huế hết mực yêu chồng, chiều chồng, vì vô sinh nên để chồng đến với người phụ nữ thứ hai và gởi gắm tình yêu của mình vào hình ảnh đồng bóng đầy hư ảo. Phim tạo ra một số tranh luận trong công chúng về chất Huế, được phát hành tại Pháp, Đức, Australia, Tây Ban Nha..., được trao giải Cánh diều bạc 2008. Diễn viên Hồng Ánh trong vai Hạnh được trao giải nữ diễn viên chính xuất sắc tại Liên hoan phim Dubai năm 2009.

Phim *Indochine* (Đông Dương) là bộ phim Pháp, lấy bối cảnh Việt Nam thời kỳ 1930-1954, được thực hiện tại Việt Nam, chủ yếu là Hạ Long và Huế. Chuyện phim xoay quanh cuộc đời của hai mẹ con bà Éliane (do Catherine Deneuve đóng) và cô con nuôi người Việt Camille (do Phạm Linh Đan đóng). Camille đã làm tất cả để đi theo người tình Jean Baptiste. Do phải chạy trốn sau biến cố Camille bắn

chết viên sĩ quan mộ phu người Pháp, cả hai bị bắt, con trai của họ được bà Éliane nuôi dưỡng khi Jean Baptiste mất và Camille đi theo cách mạng. Cuối cùng cả ba người gặp nhau nhân hội nghị Genève 1954. Phim đã được trao giải Phim ngoại ngữ hay nhất Oscar lần thứ 65, Catherine Deneuve được đề cử vào hạng mục vai nữ chính. Đây là đề cử Oscar duy nhất của bà tính đến 2009.

Gần đây, cuối tháng 10/2014, Lotte Cinema Hàn Quốc đã đầu tư tại Huế một cụm rạp *Lotte Cinema Huế* hiện đại, theo phong cách nhỏ gọn, với 3 phòng chiếu 400 ghế thiết kế đẹp, có tiện nghi tốt, áp dụng công nghệ 2D-Digital và 3D-Digital, đặt tại tầng 4 siêu thị Big C Phong Phú, chiếu 3 suất mỗi ngày, giới thiệu được nhiều tác phẩm điện ảnh có chất lượng của Việt Nam và thế giới; đang có tác dụng thu hút khán giả, nhất là giới trẻ đến với nghệ thuật điện ảnh; tuy nhiên, mức độ ảnh hưởng trong công chúng Huế vẫn còn hạn chế.

Trải qua hơn 100 năm kể từ thời mới du nhập, điện ảnh ở Thừa Thiên Huế đã từng có thời kỳ phát triển mạnh, có lúc đã suy thoái, ngưng trệ và mới chớm chuyển động trở lại, trong điều kiện môi trường xã hội và nhu cầu thưởng ngoạn nghệ thuật đã thay đổi nhiều. Để tạo được bước phát triển mới, điện ảnh Huế còn phải khắc phục những trì trệ để vươn tới một chặng đường mới, với nhiều nỗ lực hơn nữa.

N X H

CHÚ THÍCH

- (1) Tư liệu của Học viện Nhiếp ảnh, nguồn: *photolife.vn*. Bức ảnh “Đồn binh xứ Đàng Trong Non Nay” từng được nhà nghiên cứu Thái Văn Kiểm giới thiệu là bức ảnh “Đồn Hai” trong tác phẩm *Đất Việt trời Nam*, Nxb Nguồn sống, Sài Gòn, 1960.
- (2) Aubaret, quan chức Pháp, người hướng dẫn sứ bộ Phan Thanh Giản, giỏi chữ Hán, khá tiếng Việt, đã dịch *Gia Định thành thông chí* của Trịnh Hoài Đức và *Hoàng Việt luật lệ* ra Pháp ngữ.
- (3) Phạm Phú Thứ. *Nhật ký đi Tây* (bản dịch của Quang Uyển), Nxb Đà Nẵng, 1999, tr. 150-152.
- (4) Nhóm Trà Linh. *Đặng Huy Trứ, con người và tác phẩm*, Nxb Thành phố Hồ Chí Minh, 1990, tr 557-558.
- (5) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*, Tập 8 (bản dịch Ngô Hữu Tạo, Nguyễn Mạnh Duân...), Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 287.
- (6) Quốc Sử Quán triều Nguyễn. *Đại Nam thực lục*, Tập 9 (bản dịch Nguyễn Ngọc Tĩnh, Phan Huy Giu...), Nxb Giáo dục, Hà Nội, 2007, tr. 216.
- (7) Quế Chi Hồ Đăng Định. *Thượng Tứ ngày xưa nhớ nhớ... quên quên*, Nxb Thuận Hóa, Huế, 2013, tr. 93.
- (8) Francois Salem. “Lời Nguyễn Khoa à Huê - A propos d’une rencontre”, *Huê 1930-1960: Photographies de Loi Nguyễn Khoa*, Nxb Nouvelles Éditions, Paris, 2001, tr. 13-16.
- (9) Sâm Thương. “Điện ảnh Việt Nam thời khai sinh”, trong *Quán Vắn* 004, Đặc san văn học, Tập 4 tháng 1 năm 2012, Nxb Thanh niên, Thành phố Hồ Chí Minh, 2012, tr. 144-148.

- (10) Albert Sarraut. *La Mise en Valeur des Colonies Françaises*, Nxb Payot, Paris, 1923, tr. 17.
(11) Theo Sâm Thương, “Điện ảnh Việt Nam thời khai sinh”, *Sđđ*, tr 154-155 .
(12) Trần Viết Ngạc. “Cụ Phan đóng phim ở Huế năm 1926”, tạp chí *Sông Hương*, Huế, tháng 8/1983.
(13) Quế Chi Hồ Đăng Định, *Sđđ*, tr.109-110.

TÓM TẮT

Nhiếp ảnh được du nhập và phát triển thành một loại hình nghệ thuật khá sớm ở Huế. Theo sử sách ghi lại thì vào năm 1878, sau khi đi học ở phương Tây về, Trương Văn Sán đã trình lên triều đình “phép chụp ảnh” và được vua Tự Đức cho phép mở một cơ sở chụp ảnh đầu tiên tại Huế để phục vụ triều đình, các quan lại và dân chúng.

So với nhiếp ảnh, điện ảnh du nhập vào Huế muộn hơn khoảng 20 năm. Theo báo chí, D'Arc là người đầu tiên du nhập điện ảnh vào Chợ Lớn khoảng tháng 10/1898; Gabriel Veyre là người đưa điện ảnh đến Hà Nội vào tháng 4/1899 và Léopold Bernard là người đem điện ảnh đến Huế vào tháng 6 cùng năm.

Trải qua quá trình phát triển, các bộ môn nhiếp ảnh và điện ảnh ở Thừa Thiên Huế đã sản sinh nhiều nghệ sĩ tên tuổi với nhiều tác phẩm nổi tiếng không chỉ trên phương diện nghệ thuật mà còn là những tư liệu quý giá giúp cho việc nghiên cứu, tìm hiểu về văn hóa-lịch sử của vùng đất cố đô.

ABSTRACT

PHOTOGRAPHY AND CINEMATOGRAPHY IN THUA THIEN-HUE

Photography was introduced and developed quite early in Hue. According to historical records, in 1878, on returning from his study in Europe, Trương Văn Sán introduced “photography” to the court, and Emperor Tự Đức permitted him to open a photo studio in Hue to serve the court, officials and the public.

Cinematography was introduced to Hue about 20 years later than photography. According to the press, D'Arc was the first to introduce cinema to Cholon in October 1898; Gabriel Veyre introduced cinema to Hanoi in April 1899, and Léopold Bernard was the first to introduce cinema to Hue in June the same year.

From then on, Thua Thien Hue has introduced numerous artists in photography and cinematography with a lot of famous art works which are valuable materials for the study on Huế's culture and history.